

Bản án số: 220/2024/DS-ST  
Ngày: 02-8-2024  
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Xuân Minh

Ông Văn Công Trọn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Trúc Linh. Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau** tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm: 1955.

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Xin vắng).

Bị đơn: Bà Phạm Mỹ N1. Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

Ông Tạ Hoàng V (Tạ Hoàng D). Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 02 năm 2024 của nguyên đơn thể hiện:

Vào ngày 01/4/2021al, ông N có tham gia 01 dây hụi do bà Phạm Mỹ N1 làm chủ. Tất cả có 27 phần hụi, ông N tham gia 01 phần, chưa hốt. Đến ngày 01/11/2022al bà N1 đình hụi. Tổng số tiền ông N đã nộp vào là 30.000.000 đồng. Đến ngày 09/8/2023, bà N1 làm “Tờ cam kết” xác nhận còn nợ ông N số tiền 30.000.000 đồng. Bà N1 hứa hẹn nhiều lần nhưng không thanh toán như đã hứa. Do đó, ông N yêu cầu bà N1 cùng chồng là ông V thanh toán cho ông N số tiền 30.000.000 đồng.

Đối với ông Tạ Hoàng V (D), bà Phạm Mỹ N1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo, triệu tập đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định nhưng ông Tạ Hoàng V, bà Phạm Mỹ N1 vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại các phiên hòa giải xét xử. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông V, bà N1 phải thanh toán cho ông N số tiền 30.000.000 đồng. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Lê Văn N với ông Tạ Hoàng V, bà Phạm Mỹ N1 là tranh chấp hui. Nơi cư trú của bị đơn và nơi thực hiện giao dịch đều tại huyện T nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của ông Tạ Hoàng V, bà Phạm Mỹ N1, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông V, và N1 không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Tạ Hoàng V, bà Phạm Mỹ N1 theo quy định. Đối với việc đề nghị vắng mặt của ông Lê Văn N, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo nguyên đơn, ông N có tham gia 01 dây hui do bà Phạm Mỹ N1 làm chủ. Tất cả có 27 phần hui, ông N tham gia 01 phần, chưa hút. Sau khi bà N1 đình hui. Đến ngày 09/8/2023, bà N1 làm “Tờ cam kết” xác nhận còn nợ ông N số tiền 30.000.000 đồng. Bà N1 hứa hẹn nhiều lần nhưng không thanh toán như đã hứa. Do đó, ông N yêu cầu bà N1 cùng chồng là ông V thanh toán cho ông N số tiền 30.000.000 đồng. Về phía bị đơn, Tòa án đã thông báo, triệu tập theo quy định của pháp luật để bị đơn biết được yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, ông V, bà N1 đều vắng mặt, cũng không có ý kiến phản hồi, không có ý kiến gì khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, nguyên đơn cũng có cung cấp giấy nhận nợ ngày 09/8/2023 thể hiện ông V, bà N1 còn nợ lại ông N số tiền

30.000.000 đồng. Từ đó, có căn cứ xác định giao dịch giữa các bên được thực hiện như lời trình bày của nguyên đơn là có thật.

Ông Tạ Hoàng V và bà Phạm Mỹ N1 không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nên ông N yêu cầu ông V, bà N1 thanh toán cho ông N số tiền còn thiếu là phù hợp.

Như vậy, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án tại phiên toà là phù hợp. Yêu cầu của phía nguyên đơn đặt ra là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông V, bà N1 phải chịu án phí đối với nghĩa vụ thực hiện việc thanh toán cho ông N. Ông Lê Văn N không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường;
- Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N. Buộc ông Tạ Hoàng V (D), bà Phạm Mỹ N1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Văn N số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong khoản tiền phải thanh toán thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí: Ông Tạ Hoàng V (D), bà Phạm Mỹ N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng), chưa nộp.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CC.THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Huệ**